TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2017/DS-PT
Ngày: 15-12-2017
V/v Tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Son**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tòng**

Ông **Lâm Văn Be**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Nguyện**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Châu**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2017/QĐPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm: 1969; Địa chỉ cư trú: Số 395, khu phố 1, Phường 3, thành phố TN1, tỉnh TN2.

Người đại diện theo ủy quyền của anh V: Anh Trần Thế Hòa B1, sinh năm: 1975; Địa chỉ cư trú: Đường 30/4, khu phố 4, Phường 2, thành phố TN1, tỉnh TN2; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn*:* Chị Nguyễn Thị Thanh B2, sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Số 16, Đường số 59, khu Phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn, thành phố TN1, tỉnh TN2; có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh B2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo án sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 28-02-2017 anh Nguyễn Trọng V có cho chị Nguyễn Thị Thanh B2 vay số tiền 380.000.000 đồng, có làm "giấy mượn tiền", không thỏa thuận lãi suất, mục đích chị B2 vay tiền là để làm ăn. Hai bên thỏa thuận ngày 28-5-2017 sẽ trả hết nợ. Đến hạn trả nợ chị B2 chỉ trả được 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 350.000.000 đồng chị B2 hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Được sự ủy quyền của anh V, anh B1 yêu cầu chị B2 trả cho anh V số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 28-5-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh B2 vắng mặt nhưng đã khai trong hồ sơ như sau: Chị thừa nhận có vay của anh Nguyễn Trọng V số tiền 380.000.000 đồng, có làm giấy nợ ký ngày 28-02-2017, hai bên thỏa thuận 03 tháng đến ngày 28-5-2017 sẽ trả hết nợ. Tiền vay, sau đó chị đã trả cho anh V được 30.000.000 đồng còn nợ lại 350.000.000 đồng. Chị đồng ý trả anh V số tiền tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi. Do sinh con nhỏ nên chị xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 137/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố TN1, tỉnh TN2 tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng V.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh B2 trả cho anh Nguyễn Trọng V số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 11.764.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 361.764.000 (ba trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24-10-2017, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh B2 có đơn kháng cáo nêu cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt chị là không đúng theo quy định của pháp luật vì chị đang có con nhỏ và không đồng ý với toàn bộ phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Thanh B2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, có bổ sung là không có nhận nợ theo biên nhận đã ký ngày 28-02-2017 số tiền 380.000.000 đồng. Chị Thanh B2 nại do bị ép buộc ký giấy nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh B2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng V, yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh B2, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Sau khi cấp sơ thẩm thụ lý, do chị Thanh B2 sinh con nên tại biên bản ghi lời khai ngày 24-8-2017 (sanh ngày 01-8-2017), chị B2 khai còn nợ anh V số tiền gốc 350.000.000 đồng nhưng xin không trả lãi vì cuộc sống hiện tại khó khăn (Bút lục 19). Cũng trong ngày 24-8-2017, chị Nguyễn Thị Thanh B2 đã làm đơn xin giải quyết mặt mặt cho đến khi giải quyết kết thúc vụ kiện (BL 20). Căn cứ vào lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 24-8-2017, cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai bản án, chị B2 đã nhận được và làm đơn kháng cáo. Do cấp sơ thẩm đã làm đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt chị Thanh B2 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Thanh B2 về phần này.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy mượn tiền ngày 28-02-2017, chị Thanh B2 có vay của anh V số tiền 380.000.000 đồng, cam kết đến ngày 25-8-2017 (05 tháng sau) thì trả hết nợ. Nhưng chị Thu B2 đã không thực hiện theo đúng cam kết mà giấy nợ đã ghi. Bởi lẽ, tính đến ngày 25-8-2017, chị Thanh B2 và anh V đều thống nhất là chị Thanh B2 chỉ trả cho anh V được 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 350.000.000 đồng. Anh V yêu cầu chị Thanh B2 trả số tiền 350.000.000 đồng và tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị không chấp nhận có nợ theo biên nhận nợ mà khai bị ép buộc ký giấy nợ, nhưng không có chứng cứ kèm theo, sau khi ký cũng không có báo với cơ quan chức năng việc chị bị ép ký giấy nợ nên không có căn cứ xem xét. Xét thấy, chị Thanh B2 đã không thực hiện đúng cam kết trong giấy mượn nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của anh V. Do đó, cấp sơ thẩm đã buộc chị Thanh B2 trả cho anh V số tiền gốc 350.000.000 đồng và tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Chị Thanh B2 kháng cáo nhưng không cung cấp được căn cứ mới và anh V cũng không đồng ý bỏ phần lãi suất nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Thanh B2 về lãi suất.

[3] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo Khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Lời phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN2 tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh B2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Thanh B2 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh B2.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng V.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh B2 trả cho anh Nguyễn Trọng V số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 11.764.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 361.764.000 (ba trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị B2 không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị B2 còn phải trả cho anh V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh B2 phải chịu 18.088.200 (mười tám triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm*)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Trọng V không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh V 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004441 ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN1.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh B2 phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004722 ngày 25-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN1, tỉnh TN2 (ghi nhận chị B2 đã nộp xong).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hội đồng xét xử

Nguyễn Duy Lâm **Lâm Văn Be** **Nguyễn Văn Son**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN2;
- TAND tp TN1;
- Chi Cục THADS tp TN1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Son